

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/DS-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;
2. Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 608/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025 và thông báo dời ngày xử án số 02/TB-TA ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1984, địa chỉ: khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T:

1. Chị Vương Kim N, sinh năm 1997, địa chỉ: khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết mặt);

2. Anh Tạ Trọng N1, sinh năm 1998, địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản uỷ quyền đề ngày 09/9/2025 (có đơn yêu cầu giải quyết mặt).

- Bị đơn: anh Phạm Hoài T1 sinh năm: 1988, địa chỉ: khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – chị Vương Kim N trình bày:

Vào ngày 20/01/2025, chị T có cho anh Phạm Hoài T1 vay tổng số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Trong đó có hợp đồng vay tiền (có kèm theo bản photo, bản chính) với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng và số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng còn lại là những lần chị T và anh T1 đi chuộc xe gắn máy tại tiệm C, địa chỉ A đường A, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn trả là 05 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay. Khi cho vay hai bên không thoả thuận lãi suất. Ngày 20/6/2025 đến hạn trả tiền, chị T yêu cầu anh T1 trả lại số tiền này nhưng anh T1 cố tình không gặp mặt chị Thúy để thanh toán số tiền này. Đến nay đã quá hạn trả nhưng vẫn không trả cho chị T. Khi chị T liên hệ bằng điện thoại anh T1 không bắt máy, không trả lời tin nhắn, khi chị T xuống nhà anh T1 cố tình né tránh không gặp mặt.

Nay chị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh: buộc anh Phạm Hoài T1 phải trả lại số tiền vay gốc cho chị T là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) đồng và trả lãi mức lãi theo quy định pháp luật/số tiền vay gốc 20.000.000 đồng, tính từ ngày 21/6/2025 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án và tiếp tục trả lãi tính từ ngày tiếp theo sau ngày Tòa án giải quyết vụ án cho đến khi anh T1 trả hết nợ. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị T là hợp đồng vay tiền đề ngày 20/01/2025 (bản chính). Ngoài ra chị T không có yêu cầu khởi kiện bổ sung nào khác.

Về án phí, chi phí tố tụng thì chị T đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Anh Tạ Trọng N1 thống nhất lời khai lời trình bày của chị Vương Kim N suốt trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Phạm Hoài T1 trình bày:

Anh và chị T là có quan hệ quen biết do trước đây anh sống gần nhà chị T. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu anh trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Lý do anh có mượn của chị T 10.000.000 đồng tuy nhiên anh có làm công cho chị T 07 ngày, mỗi ngày công lao động là 400.000 đồng/ngày; tổng cộng là 2.800.000 đồng. Chị T có nhờ anh đi làm giấy tờ đất 02 phần đất, anh có bỏ tiền mua vé số nhờ một số người quen của anh làm giấy tờ đất dùm cho chị T, anh đã đi hết 4 ngày công. Anh có cho chị T mượn 01 cây mai của cha anh, trị giá cây mai khoảng 7.500.000 đồng, để chưng tết, tuy nhiên chị T làm chết cây mai không trả lại cho anh. Nay anh yêu cầu chị T trả lại cho anh giá trị của cây M là 10.300.000 đồng. Anh yêu cầu Tòa án khấu trừ số tiền 10.300.000 đồng vào số tiền 10.000.000 đồng anh còn nợ lại chị T. Cây Mai là cây của cha anh nhưng cha anh đã cho anh. Cha anh tên Phạm Quang T2, sinh năm 1962, địa chỉ: khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh, sdt: 0907543,726.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 chưa nộp đơn khởi kiện phản tố buộc chị T trả cho anh số tiền 10.300.000 đồng và chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh về việc yêu cầu chị T cần trừ số tiền 10.300.000 đồng vào số tiền vay của anh. Về án phí, chi phí tố tụng thì anh T1 đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Vương Kim N và anh Tạ Trọng N1, bị đơn anh Phạm Hoài T1 vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh T đối với anh Phạm Hoài T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Phạm Hoài T1 có nghĩa vụ trả cho chị Đoàn Thị Thanh T số tiền vay gốc 10.000.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 21/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Không chấp nhận một phần một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh T đối với anh Phạm Hoài T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền vay gốc 10.000.000 đồng không lập giấy nợ và tiền lãi.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị N, anh N1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Phạm Hoài T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 328 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, chị N, anh N1, anh T1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu anh T1 trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và trả lãi mức lãi theo quy định pháp luật/số tiền

vay gốc 20.000.000 đồng, tính từ ngày 21/6/2025 cho đến ngày Toà án giải quyết xong vụ án và tiếp tục trả lãi tính từ ngày tiếp theo sau ngày Toà án giải quyết vụ án cho đến khi ông T1 trả hết nợ thấy rằng:

Ngày 20/01/2025, chị T cho anh T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền đề ngày 20/01/2025 được công chứng chứng thực tại Văn phòng C1. Anh T1 thừa nhận có vay của chị T số tiền gốc 10.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho chị T, như vậy đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 192 của Bộ Luật Tố tụng dân sự

Đối với số tiền vay gốc 10.000.000 đồng nguyên đơn cho rằng đây là số tiền nguyên đơn trả cho tiệm C, địa chỉ A đường A, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh thay cho anh T1 để lấy xe máy của anh T1 bị cầm cố tại đây về. Tuy nhiên anh T1 không thừa nhận có vay của chị T số tiền này. Chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho sự việc chị T có trả tiền cho tiệm C để lấy xe máy về cho anh T1. Không có chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận 3 bên giữa chị T, anh T1 và chủ tiệm cầm đồ Thanh T3 về việc chị T đứng ra trả tiền thay cho anh T1 và nghĩa vụ trả tiền của anh T1 đối với tiệm cầm đồ Thanh T3 chuyển giao qua cho chị T. Như vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh T1 về việc buộc anh T1 trả cho chị T số tiền vay gốc 10.000.000 đồng mà chị T đã trả cho tiệm C.

Xét lời trình bày của anh T1 về việc yêu cầu chị T cản trừ số tiền 10.300.000 đồng vào số tiền anh vay của chị T 10.000.000 đồng. Anh T1 cho rằng số tiền 10.300.000 đồng là số tiền anh làm công cho chị T 07 ngày, mỗi ngày công lao động là 400.000 đồng/ngày; tổng cộng là 2.800.000 đồng. Chị T có nhờ anh đi làm giấy tờ đất 02 phần đất, anh có bỏ tiền mua vé số nhờ một số người quen của anh làm giấy tờ đất dùm cho chị T, anh đã đi hết 4 ngày công. Anh có cho chị T mượn 01 cây mai của cha anh, trị giá cây mai khoảng 7.500.000 đồng, để chưng tết, tuy nhiên chị T làm chết cây mai không trả lại cho anh. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh T1, anh T1 không nộp đơn khởi kiện phản tố và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của anh. Do vậy không có căn cứ chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của anh T1 về việc cản trừ số tiền 10.300.000 đồng vào số tiền anh vay của chị T.

Như vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về số tiền vay gốc 10.000.000 đồng có hợp đồng vay đề ngày 20/01/2025. Đối với số tiền vay gốc còn lại 10.000.000 không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21/6/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ, thấy rằng:

Theo hợp đồng vay tiền đề ngày 20/01/2025 thấy rằng: trong hợp đồng hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 5 tháng tính từ ngày công chứng hợp đồng là 20/01/2025

nhưng không thỏa thuận lãi suất. Như vậy đây là hợp đồng có thời hạn, không có lãi suất. Đến hạn ngày 20/01/2025 mà bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải trả lãi suất chậm trả 10%/năm/số tiền chưa thanh toán/thời gian chưa thanh toán cho nguyên đơn cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Như vậy tính từ ngày 21/6/2025 cho đến ngày 30/01/2026 là 7 tháng 09 ngày, tiền lãi của nguyên đơn được hưởng mỗi tháng 83.333 đồng.

Số tiền lãi nguyên đơn được hưởng là:

83.333 đồng x 07 tháng 09 ngày = 608.332 đồng.

Tổng cộng gốc lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 10.000.000 đồng + 608.332 đồng = 10.608.332 đồng.

Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc 10.000.000 đồng, nên số tiền lãi 608.332 đồng trên số tiền vay gốc này không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Chị T phải chịu án phí trên yêu cầu khởi kiện của chị T không được chấp nhận khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh T đối với anh Phạm Hoài T1 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Phạm Hoài T1 có nghĩa vụ trả cho chị Đoàn Thị Thanh T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30-01-2026 là 10.608.332 đồng (mười triệu sáu trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi là 608.332 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T4 đối với anh Phạm Hoài T1 về số tiền 10.608.332 đồng (mười triệu sáu trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi là 608.332 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Thanh T phải chịu 530.417 (năm trăm ba mươi nghìn bốn trăm mười bảy) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 500.000 (năm trăm nghìn) đã nộp theo Biên lai thu số 0005446 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị T còn phải nộp thêm 30.416 (ba mươi nghìn bốn trăm mười bảy) đồng.

Anh Phạm Hoài T1 phải chịu 530.416 (năm trăm ba mươi nghìn bốn trăm mười bảy) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu trữ tại TANDH khu vực 10;
- Lưu hồ sơ;
- MHS: 02D01.159.103077

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân